

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN ANH VĂN

Căn cứ Kế hoạch số 60/KH-NVB ngày 04 tháng 9 năm 2025 của trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bé về kiểm tra, đánh giá năm học 2025 – 2026;
Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bé xây dựng Kế hoạch kiểm tra Cuối kì Học kì II năm học 2025 – 2026;
Tổ trưởng môn Anh văn trường THCS Nguyễn Văn Bé thông tin nội dung ôn tập kiểm tra Giữa kì II môn Anh văn như sau:

1. Thời lượng làm bài: Khối 6-7-8-9 làm bài trong 60' (Khối 9 không có phần thi nghe)

2. Cấu trúc đề:

Phần trắc nghiệm (70%): **7,0 điểm**

+ Nhận biết và thông hiểu: 4,0 điểm

+ Vận dụng: 3,0 điểm

Phần tự luận (30%): **3,0 điểm**

3. Nội dung ôn tập: Từ tuần 1 đến tuần 11 HKII, với phạm vi giới hạn như sau:

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KÌ - HKII NH 2025-2026

FRIENDS PLUS 6 - UNIT 5 → UNIT 8

Listen and then decide whether the following statements are True or False. You will listen TWICE. (1.0pt)

Câu 1 → câu 4

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (3.0 pts)

Câu 5 → Câu 16

- 2 câu phát âm: 1 câu về vowels và 1 câu về /-ed/ -es/ endings
- 2 câu nhấn nhá âm: 1 câu nhấn âm một và 1 câu nhấn âm hai
- 3 câu về từ vựng
- 1 câu về verb form / tense
- 1 câu về prepositions: in, on, at
- 1 câu về conjunctions: and, or, so, but, because
- 1 câu hỏi đáp giao tiếp
- 1 câu về signs/ notices

Choose the word phrase (A, B, C or D) that best fits the space in the following text. (1.5 pts)

Câu 17 → Câu 22

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit 5 → Unit 8 (pp. 96-99)

Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28. (1.5 pts)

Câu 23 → Câu 28

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit 5 → Unit 8 (pp. 96-99)

Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

Câu 29 → Câu 34

No.	VERBS	NOUNS	ADJECTIVES	ADVERBS	MEANINGS
1	act	actor actress			diễn
2	marry	marriage	married		kết hôn
3		height	high		cao
4		scholar scholarship			học bổng
5		coast	coastal		miền duyên hải, ven biển
6	cycle	cyclist			đi xe đạp
7		office	official	officially	chính thức
8	scare		scary scared		sợ
9	weigh	weight	overweight		cân nặng
10			usual	usually	thường
11	behave	behavior / behaviour			hành vi, cư xử
12		music musician	musical		nhạc

Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0.5pt)

Câu 35 → Câu 36

Writing: (1.0 pt)

- **Topic 1: Write a description of your favourite celebrity**

- **Topic 2: Write a postcard about your visit to a place**

NỘI DUNG KT CKII – ANH 7 FP (Units 5+6+7+8: Vocab.) (2025-2026)

- Listen to the recording and decide whether the statements are True or False. The recording will be spoken three times (1.0pt): Theo chủ đề Units 5-6-7-8
- Câu 1→4
- Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others (0.5pt)
- Câu 5-6 (ed/ es/ vowel)
- Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others (0.5pt)
- Câu 7-8
- Multiple Choice: Choose the best answer (A, B, C or D) (2pts)
- Câu 9-16: 1 preposition of time (in/ on/ at) – 1 tense/ verb form - 1 picture (C.16)
- Choose the most suitable word/ phrase (A, B, C or D) that best fits the blanks (1,5pts)
- Câu 17-22
- Read the passage and then decide whether the sentences below are True or False (1pt)
- Câu 23-26
- Read the passage again and then choose the best answer (A, B, C or D) (0,5pt)
- Câu 27 – 28 (Câu 27: Main idea of the passage – Câu 28: not mentioned/ except..)
- Supply the correct form of the words (1,5pts) (2 N – 2 Adj – 1 V – 1 Adv)
- Câu 29-34
- **+ Word form:**

VERB(S)	NOUN(S)	ADJECTIVE(S)	ADVERB(S)
	music musician	musical	
	tradition	traditional	traditionally

succeed	success	successful unsuccessful	successfully
	kindness	kind	kindly
organise	organisation	organised	
cheer	cheer	cheerful	cheerfully
	energy	energetic	energetically
perform	performance performer		
	environment	environmental	environmentally
renew		renewable	
	Electricity/ electrician	Electric/ electrical	
pollute	Pollution/ pollutant	polluted	

•



- Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences (0,5pt)
Câu 35-36: Theo cấu trúc câu trong Units 5-6-7-8
- Write song review/ email about camping accident (50-70 words) (1pt)

Nội dung kiểm tra CK II - NH 2025 – 2026

Anh 8 ilsw (Unit 5 --> Unit 8)

Listen and then decide whether the following statements are True or False. You will listen TWICE. (1.0pt)

Câu 1 → câu 4

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (3.0 pts)

Câu 5 → Câu 16

- 2 câu phát âm: 1 câu về vowels và 1 câu về /-ed/ -es/ endings
- 2 câu nhấn nhá âm: 1-2-3

- 3 câu về từ vựng
- 1 câu về verb form / tense
- 1 câu về prepositions: in, on, at ...
- 1 câu về conjunctions: and, or, so, but, because ...
- 1 câu hỏi đáp giao tiếp
- 1 câu về signs/ notices

Choose the word phrase (A, B, C or D) that best fits the space in the following text.
(1.5 pts)

Câu 17 → Câu 22

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit 5 → Unit 8

Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28. (1.5 pts)

Câu 23 → Câu 28

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit Unit 5 → Unit 8

Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

Câu 29 → Câu 34

Supply the correct form of the words

No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1	attend	attendance/ attendant			tham dự
2	care	care	careful/ careless	carefully/ carelessly	cẩn thận/ cẩu thả
3	celebrate	celebration/ celebrity			tổ chức kỉ niệm
4		culture	cultural		văn hóa
5	experience	experience	(in)experienced		kinh nghiệm
6		music/ musician	musical		nhạc
7	perform	performance/ performer			biểu diễn
8	populate	population	populous		dân số
9		power	powerful	powerfully	sức mạnh
10	produce	production/ product	productive		sản xuất
11	recognize	recognition			nhận biết
12		tradition	traditional	traditionally	truyền thống

Dictionary Entry: Look at the entry of the word “famous” in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words

famous adjective

A1 OPAL 5

/'feɪməs/

/'feɪməs/

Idioms

1 ★ **A1** known about by many people

- a famous artist/actor
- The actor was one of many **famous faces** at the party.
- Loch Ness is probably the most **famous lake** in Scotland.
- Tiger Woods is one of the most **famous names** in golf.
- Many **rich and famous people** have stayed at the hotel.
- So this is the **famous dress!** (= the one we have heard a lot about but have not seen)
- The song was **made famous** by Frank Sinatra.
- This was the book that **made her famous**.
- **famous for something** He **became internationally famous** for his novels.
- **famous as something** She was **more famous as a writer than as a singer**.

Sentence Transformation (1pt)

37. Reported Speech (**Statement** / Questions)

38. S + spend/ spent ... V-ing <---> It takes/ took.....

39. So sánh bằng < -- > so sánh hơn

40. During → While/ When – Though< -- > However / but

Nội dung kiểm tra CK II - NH 2025 – 2026 - Anh 9 ilsw (Unit 5 --> Unit 8)

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others (0.5pt)

1. ed / es
2. vowel

Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others (0.5pt)

3. 1st/ 2nd syllable
4. 3rd syllable

Multiple Choice: Choose the best answer (A, B, C or D) (3pts)

5. 2 pictures – 1 verb form (Past Continuous – to V / V-ing..... – 1 Preposition - 1 conversation – Conjunction
6. 6 vocabulary ---→ 16

Choose the word phrase (A, B, C or D) that best fits the space in the following text. (1.5 pts)

Câu 17 → Câu 22

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit 5 → Unit 8

Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28. (1.5 pts)

Câu 23 - 28

Các bài đọc liên quan đến chủ đề từ Unit Unit 5 → Unit 8


Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts) – Câu: 29 - 34


No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1	attract	attraction	attractive	attractively	Thu hút
2	congest	congestion	congested		Tắc nghẽn
3	direct	direction/ director		directly	Điều hướng
4	encourage	encouragement	encouraging		Động viên
5		home	homeless/ homesick		nhà
6	innovate	innovation			Đổi mới
7		manual	manual	manually	Thủ công, bằng tay
8	own	owner			Sở hữu
9	personalize	person/ personalization	personalized		Cá nhân hóa
10		profession	professional	professionally	Chuyên nghiệp
11	produce	production/ product/ producer	productive		Sản xuất
12		psychology/ psychologist			Tâm lí học
13		reality	real	really	Thực sự/ tế
14	solve	solution			Giải pháp

Dictionary Entry: Look at the entry of the word “urban” in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words Câu 35-36

urban *adjective*

 B2  OPAL W

 /'ɜːbən/

 /'ɜːrbən/

1 ★  B2 [usually before noun] connected with a town or city

- *urban and rural communities*
- *urban areas/centres*
- *the urban environment/landscape*
- *urban development* (= the process of building towns and cities or making them larger)
- *urban renewal/regeneration* (= the process of improving the buildings, etc. in the poor parts of a town or city)
- *efforts to control urban sprawl* (= the spread of city buildings into the countryside)
- *The urban poor feel betrayed by everyone.*

Sentence Transformation (1pt)

37. so <-> such

38. If Clause – Type 1 (and/ or)

39. During → While/ When

40. should + V → advise + obj. + to V

Having ..., you can... → allow + O + to V

Spend<-> it takes/ took + to V

Duyệt BGH

TỔ TRƯỞNG

Đinh Thị Thiên Ân

Nguyễn Đình Hoài Nhân